

# LiOA

For now & Forever!

**BẢNG GIÁ HƯỚNG DẪN**  
*RECOMMENDED RETAIL PRICE*

06/2025

## **BIẾN ÁP ĐỔI NGUỒN HẠ ÁP 1 PHA - THẾ HỆ MỚI** *LOW VOLTAGE TRANSFORMER - NEW GENERATION*



**3**

**NĂM**  
**BẢO HÀNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO LiOA**

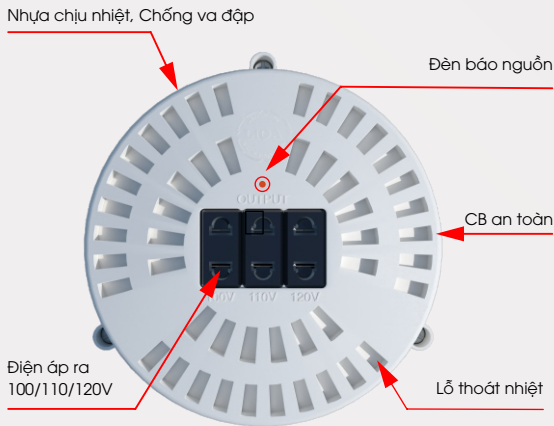
Dốc Đoàn Kết, phố Vinh Hưng, phường Vinh Hưng, quận Hoàng Mai, Hà Nội, VN  
<https://lioa.com.vn>

SỐ ĐIỆN THOẠI CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG  
HOTLINE: 098 644 8886

# BIẾN ÁP ĐỔI NGUỒN HẠ ÁP 1 PHA

# LOW VOLTAGE TRANSFORMER

## ■ BIẾN ÁP TRUYỀN THỐNG/ TRADITIONAL CASE TRANSFORMER TYPE



- **Biến áp dùng để đổi điện cho các thiết bị có điện áp sử dụng theo tiêu chuẩn điện lưới của Nhật, Mỹ, Đài Loan... và các nhu cầu đặc biệt khác.**

*This transformer is used to transform voltage for industrial electrical equipment which operate under US, Japanese, Taiwanese, electrical standard... and for other special requirements.*

- **Biến áp sử dụng nguyên liệu thép kỹ thuật điện cán lạnh cao cấp tổn hao thấp < 0,9W/Kg.**

*The transformer coil is used high-grade cold-rolled silicon steel with low loss less than < 0.9W/Kg.*

- **Biến áp đổi nguồn LiOA có CB bảo vệ quá tải.**

*LiOA voltage transformer use CB for overload protection.*

- **Ổ cắm thông minh, cắm được hầu hết các phích cắm trên thế giới**

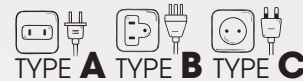
*Smart socket is suitable for almost all plug in the world.*



### Thông số kỹ thuật - Specifications

- **Điện áp vào/ Input 220VAC**

- **Tần số/ Frequency 49Hz ~ 62Hz**



- **BIẾN ÁP LOẠI ĐẶC BIỆT/ SPECIAL TYPE**

**Dây đồng 100%/ 100% copper wire**

| Mã SP/Code | Hình ảnh/ Picture                                                                   | Điện áp ra/ Output (AC) | Công suất Capacity (kVA) | Kích thước/ Dimension (mm) |                      | Giá (VNĐ) | Price (USD) |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------|-----------|-------------|
|            |                                                                                     |                         |                          | Cao/ Height                | Đường kính/ Diameter |           |             |
| DN001D     |  | 100V (01 Ổ cắm)         | 0,10                     | 70                         | 120                  | 325.000   | 14,38       |
| DN001.5D   |                                                                                     | 100V (01 Ổ cắm)         | 0,15                     | 70                         | 120                  | 425.000   | 18,81       |
| DN002D     |                                                                                     | 100V (01 Ổ cắm)         | 0,20                     | 80                         | 145                  | 500.000   | 22,12       |
| DN004D     |                                                                                     | 100V- 110V - 120V       | 0,40                     | 110                        | 165                  | 750.000   | 29,00       |
| DN006D     |                                                                                     | 100V- 110V - 120V       | 0,60                     | 110                        | 165                  | 850.000   | 32,80       |
| DN010D     |                                                                                     | 100V- 110V - 120V       | 1,00                     | 120                        | 180                  | 1.100.000 | 42,50       |
| DN012D     |                                                                                     | 100V- 110V - 120V       | 1,20                     | 120                        | 180                  | 1.300.000 | 50,20       |
| DN015D     |                                                                                     | 100V- 110V - 120V       | 1,50                     | 120                        | 180                  | 1.800.000 | 69,50       |
| DN020D     |                                                                                     | 100V- 110V - 120V       | 2,00                     | 147                        | 180                  | 2.260.000 | 87,30       |

- **BIẾN ÁP LOẠI PHỔ THÔNG/ COMMON TYPE**

| Mã SP/Code | Hình ảnh/ Picture                                                                   | Điện áp ra/ Output (AC) | Công suất Capacity (kVA) | Kích thước/ Dimension (mm) |                      | Giá (VNĐ) | Price (USD) |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------|-----------|-------------|
|            |                                                                                     |                         |                          | Cao/ Height                | Đường kính/ Diameter |           |             |
| DN002A     |  | 100V (01 Ổ cắm)         | 0,2                      | 80                         | 145                  | 350.000   | 15,50       |
| DN004A     |                                                                                     | 100V- 110V - 120V       | 0,4                      | 110                        | 165                  | 500.000   | 22,10       |
| DN006A     |                                                                                     | 100V- 110V - 120V       | 0,6                      | 110                        | 165                  | 550.000   | 24,30       |
| DN010A     |                                                                                     | 100V- 110V - 120V       | 1,0                      | 120                        | 180                  | 650.000   | 28,80       |
| DN012A     |                                                                                     | 100V- 110V - 120V       | 1,2                      | 120                        | 180                  | 700.000   | 31,00       |
| DN015A     |                                                                                     | 100V- 110V - 120V       | 1,5                      | 120                        | 180                  | 800.000   | 35,40       |
| DN020A     |                                                                                     | 100V- 110V - 120V       | 2,0                      | 147                        | 180                  | 950.000   | 42,00       |

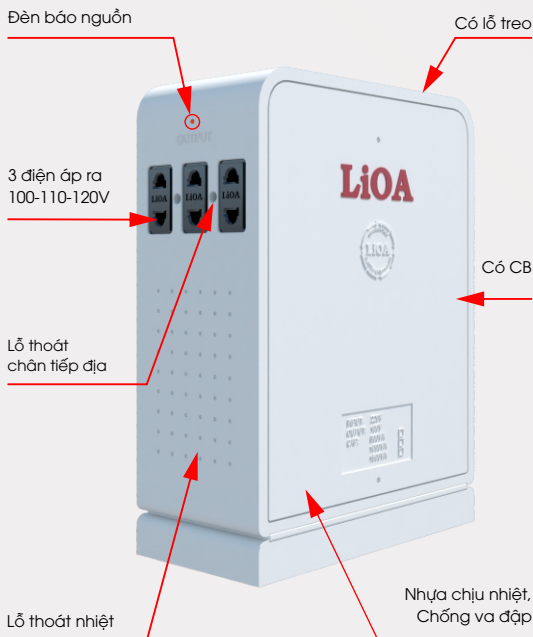




# BIẾN ÁP ĐỔI NGUỒN HẠ ÁP 1 PHA

# LOW VOLTAGE TRANSFORMER

## ■ BIẾN ÁP THỂ HỆ MỚI / NEW MODEL TRANSFORMER TYPE



- **Biến áp dùng để đổi điện cho các thiết bị có điện áp sử dụng theo tiêu chuẩn điện lưới của Nhật, Mỹ, Đài Loan... và các nhu cầu đặc biệt khác.**

*This transformer is used to transform voltage for industrial electrical equipment which operate under US, Japanese, Taiwan, electrical standard...and for other special requirements.*

- **Vỏ biến áp được làm bằng nhựa chịu được nhiệt độ cao, có khả năng kháng nhiệt.**

*The transformer shell is made of high temperature resistant plastic*

- **Kiểu dáng hiện đại, Đẹp phù hợp với mọi không gian. Thiết kế lỗ treo tường tiện lợi.**

*Modern, beautiful design suitable for any space. Convenient wall hanging hole design.*

- **Biến áp sử dụng nguyên liệu thép kỹ thuật điện cán lạnh cao cấp tổn hao thấp <0,9W/Kg.**

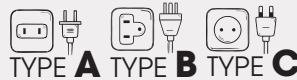
*The transformer coil is used high-grade cold-rolled silicon steel with low loss less than <0.9W/Kg.*

- **Biến áp đổi nguồn LiOA có CB bảo vệ quá tải.**

*LiOA voltage transformer use CB for overload protection.*

- **Ổ cắm thông minh, cắm được hầu hết các phích cắm trên thế giới**

*Smart socket is suitable for almost all plug in the world.*



- **Điện áp vào/ Input** **220VAC**
- **Điện áp ra/ Output** **100 - 110V - 120VAC**
- **Tần số/ Frequency** **49Hz ~ 62Hz**

### ● BIẾN ÁP LOẠI ĐẶC BIỆT / SPECIAL TYPE

**Dây đồng 100% / 100% copper wire**

| Mã SP/Code | Công suất Capacity (kVA) | Điện áp ra/ Output (AC) | Kích thước/ Dimension (mm) DxRxH (LxDxH) | Giá (VNĐ)        | Price (USD) |
|------------|--------------------------|-------------------------|------------------------------------------|------------------|-------------|
| DNV008D    | 0,8                      | 100V- 110V - 120V       | 180 x 85 x 240                           | <b>1.160.000</b> | 51,30       |
| DNV010D    | 1,0                      | 100V- 110V - 120V       | 180 x 85 x 240                           | <b>1.280.000</b> | 56,30       |
| DNV015D    | 1,5                      | 100V- 110V - 120V       | 180 x 85 x 240                           | <b>1.500.000</b> | 66,40       |

### ● BIẾN ÁP LOẠI PHỔ THÔNG / COMMON TYPE

| Mã SP/Code | Công suất Capacity (kVA) | Điện áp ra/ Output (AC) | Kích thước/ Dimension (mm) DxRxH (LxDxH) | Giá (VNĐ)        | Price (USD) |
|------------|--------------------------|-------------------------|------------------------------------------|------------------|-------------|
| DNV008A    | 0,8                      | 100V- 110V - 120V       | 180 x 85 x 240                           | <b>680.000</b>   | 30,10       |
| DNV010A    | 1,0                      | 100V- 110V - 120V       | 180 x 85 x 240                           | <b>860.000</b>   | 38,10       |
| DNV015A    | 1,5                      | 100V- 110V - 120V       | 180 x 85 x 240                           | <b>1.000.000</b> | 44,20       |



# BIẾN ÁP ĐỔI NGUỒN HẠ ÁP 1 PHA

# LOW VOLTAGE TRANSFORMER

## ■ BIẾN ÁP VỎ KIM LOẠI/ METAL CASE TRANSFORMER TYPE



- Sử dụng cho các thiết bị công suất lớn, điều hoà, bếp từ... theo tiêu chuẩn điện lưới của Nhật, Mỹ, Đài Loan...  
Used for large capacity appliances, Air conditioners and Induction cookers... with voltage according to Japanese and American, Taiwan...
- Biến áp sử dụng nguyên liệu thép kỹ thuật điện cán lạnh cao cấp tổn hao thấp < 0,9W/Kg.  
The transformer coil is used high-grade cold-rolled silicon steel with low loss less than < 0.9W/Kg.
- Vỏ biến áp được làm bằng kim loại, bền đẹp.  
The transformer shell is made of metal, durable and beautiful.
- Kiểu dáng hiện đại, đẹp phù hợp với mọi không gian. Thiết kế lỗ treo tường tiện lợi.  
Modern, beautiful design suitable for any space. Convenient wall hanging hole design.

### ● BIẾN ÁP ĐỔI NGUỒN 220VAC SANG 100VAC - 120VAC / 220VAC TO 100VAC - 120VAC - LOW VOLTAGE TRANSFORMER

- Điện áp vào/ Input: 220VAC
- Tần số/ Frequency: 49Hz ~ 62Hz

#### BIẾN ÁP LOẠI ĐẶC BIỆT/ SPECIAL TYPE

Dây đồng 100%/ 100% copper wire

| Mã SP/Code | Công suất Capacity (kVA) | Điện áp ra/ Output (AC) | Kích thước/ Dimension (mm) DxRxH (LxDxH) | Giá (VNĐ) | Price (USD) |
|------------|--------------------------|-------------------------|------------------------------------------|-----------|-------------|
| DN020K2    | 2,0                      | 100V - 120V             | 245 x 215 x 130                          | 2.200.000 | 97,35       |
| DN030K2    | 3,0                      | 100V - 120V             | 245 x 215 x 130                          | 3.000.000 | 132,74      |

#### BIẾN ÁP KIỂU PHỔ THÔNG/ COMMON TYPE

| Mã SP/Code | Công suất Capacity (kVA) | Điện áp ra/ Output (AC) | Kích thước/ Dimension (mm) DxRxH (LxDxH) | Giá (VNĐ) | Price (USD) |
|------------|--------------------------|-------------------------|------------------------------------------|-----------|-------------|
| DN020K1    | 2,0                      | 100V - 120V             | 245 x 215 x 130                          | 1.100.000 | 48,67       |
| DN030K1    | 3,0                      | 100V - 120V             | 245 x 215 x 130                          | 1.500.000 | 66,37       |

### ● BIẾN ÁP ĐỔI NGUỒN 220VAC SANG 200VAC / 220VAC TO 200VAC - LOW VOLTAGE TRANSFORMER

- Điện áp vào/ Input: 220VAC
- Tần số/ Frequency: 49Hz ~ 62Hz

#### BIẾN ÁP LOẠI ĐẶC BIỆT/ SPECIAL TYPE

Dây đồng 100%/ 100% copper wire

| Mã SP/Code | Công suất Capacity (kVA) | Điện áp ra/ Output (AC) | Kích thước/ Dimension (mm) DxRxH (LxDxH) | Giá (VNĐ) | Price (USD) |
|------------|--------------------------|-------------------------|------------------------------------------|-----------|-------------|
| DN0302K2   | 3,0                      | 200V                    |                                          | 1.200.000 | 53,10       |
| DN0602K2   | 6,0                      | 200V                    | 200 x 170 x 100                          | 1.600.000 | 70,80       |
| DN0752K2   | 7,5                      | 200V                    | 200 x 170 x 100                          | 1.800.000 | 79,65       |

#### BIẾN ÁP LOẠI PHỔ THÔNG/ COMMON TYPE

| Mã SP/Code | Công suất Capacity (kVA) | Điện áp ra/ Output (AC) | Kích thước/ Dimension (mm) DxRxH (LxDxH) | Giá (VNĐ) | Price (USD) |
|------------|--------------------------|-------------------------|------------------------------------------|-----------|-------------|
| DN0302K1   | 3,0                      | 200V                    |                                          | 1.000.000 | 44,25       |
| DN0602K1   | 6,0                      | 200V                    | 200 x 170 x 100                          | 1.200.000 | 53,10       |
| DN0752K1   | 7,5                      | 200V                    | 200 x 170 x 100                          | 1.300.000 | 57,52       |

